

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

TÌNH HUỐNG TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC, XÂM HẠI TRẺ EM

Tình huống 1: Nguyễn Văn A (20 tuổi) làm quen với em B (14 tuổi) qua mạng xã hội facebook. Trong quá trình trò chuyện và tán tỉnh B đồng ý làm người yêu của A. A biết B chỉ mới 14 tuổi nhưng vẫn nhiều lần rủ đi chơi riêng. Một ngày, A đưa B đến một nhà nghỉ ở địa phương. Tại đây A và B đã phát sinh quan hệ tình dục. Sau khi ra khỏi nhà nghỉ, một người hàng xóm của B đi ngang qua nhận ra B đi cùng 1 chàng trai từ nhà nghỉ bước ra liền gọi điện báo ngay cho bố mẹ của B biết. Về đến nhà bố mẹ B tức giận dò hỏi thì biết chuyện xảy ra giữa A và B. Sau đó, bố mẹ B đã đi trình báo công an.

Hỏi: Hành vi của A có vi phạm pháp luật không trong khi B đồng ý và tự nguyện cùng A quan hệ tình dục? Nếu có thì cấu thành tội gì?

Trả lời:

- Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”. Trong trường hợp này, em B mới 14 tuổi nên là trẻ em và thuộc đối tượng được pháp luật bảo vệ đặc biệt.

Khoản 5 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “*Nghiêm cấm hành vi xâm hại tình dục trẻ em*”. Việc người thành niên thực hiện hành vi quan hệ tình dục với trẻ em thuộc nhóm hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*. Các dấu hiệu pháp lý trong tình huống đều phù hợp với quy định này: A đủ 20 tuổi; B mới 14 tuổi; A biết rõ độ tuổi của B; Giữa A và B đã phát sinh quan hệ tình dục. Căn cứ xác định sự đồng ý của B không loại trừ trách nhiệm hình sự. Điều luật không đặt ra điều kiện người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi phải bị ép buộc mới cấu thành tội phạm. Do đó, dù B đồng ý và tự nguyện quan hệ tình dục thì A vẫn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Tình huống 2: Anh A và chị B là cha mẹ của cháu C (10 tuổi). Sau khi ly hôn, cháu C được giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian dài, anh A thường xuyên đi làm xa, bỏ mặc cháu C tự sinh sống tại nhà. Cháu phải tự nấu ăn, tự chăm sóc bản thân, nhiều ngày không được người lớn quan tâm. Anh A không chu cấp đầy đủ tiền ăn học, không đưa cháu đi khám chữa bệnh khi ốm đau và gần như cắt đứt việc chăm sóc, giáo dục đối với con. Qua phản ánh của nhà trường và hàng xóm, cơ quan chức năng tiến hành điều tra, xác minh.

Hỏi: Hành vi của anh A có được coi là vi phạm pháp luật không? Nếu có thì vi phạm quy định gì và xử phạt như thế nào?

Trả lời: Hành vi của anh A là hành vi vi phạm pháp luật về trẻ em, vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên.*

Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em”.*

Khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

Khoản 2 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định hành vi bị nghiêm cấm: *“Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em”.*

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em như sau: *“Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi: “Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hoặc bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, cắt đứt quan hệ tình cảm và vật chất với trẻ em hoặc ép buộc trẻ em không sống cùng gia đình, trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật”.*

Theo nội dung tình huống, sau khi ly hôn, cháu C (10 tuổi) được giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, trong thời gian dài anh A: Thường xuyên đi làm xa, để cháu C sống một mình, không bảo đảm việc ăn uống, sinh hoạt, không quan tâm việc học tập của con và gần như chấm dứt việc chăm sóc, giáo dục con. Như vậy, anh A đã không thực hiện các nghĩa vụ cơ bản của người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù không có hành vi bạo lực hoặc xâm hại trực tiếp nhưng việc để cháu C 10 tuổi tự sinh sống trong thời gian dài, không bảo đảm các điều kiện tối thiểu về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và y tế đã xâm phạm nghiêm trọng quyền trẻ em. Đây là hành vi “bỏ mặc trẻ em” theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016. Anh A có thể bị xử phạt vi phạm hành chính từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 98/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em.

Tình huống 3: Vợ chồng ông M kinh doanh quán ăn tại địa phương. Do muốn giảm chi phí thuê nhân công, ông M đã thuê cháu T (14 tuổi) từ một xã khác đến làm việc tại quán. Hàng ngày, cháu T phải làm việc từ 5 giờ sáng đến 22 giờ đêm với các công việc như bưng bê, rửa bát, dọn dẹp quán ăn. Mặc dù làm việc nhiều giờ liên tục nhưng cháu T không được nghỉ ngơi đầy đủ, không được đi học và chỉ được trả một khoản tiền rất thấp. Ngoài ra, mỗi khi cháu làm việc chậm hoặc mắc lỗi, ông M thường xuyên đe dọa cắt tiền công và không cho cháu liên lạc với gia đình để buộc cháu tiếp tục làm việc.

Hỏi:

Trong tình huống trên, ông M đã có những hành vi nào thể hiện việc lạm dụng, bóc lột trẻ em? Hành vi của ông M có thuộc trường hợp vi phạm quy định về trẻ em hay không? Mức xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Điều 143 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “*Người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi chỉ được làm công việc nhẹ theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành¹*”

¹ Điều 8 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về lao động chưa thành niên:

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Lập trình phần mềm.
4. Các nghề truyền thống: chằm men gốm; cưa vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá; chằm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen; vẽ tranh sơn mài, se nhang, làm vàng mã (trừ các công đoạn có sử dụng hóa chất độc hại như sơn ta, hóa chất tẩy rửa, hóa chất dùng để ướp màu, hóa chất tạo mùi, tạo tàn nhang cong...).
5. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhặt vỏ sò, điệp để gắn trên tranh mỹ nghệ; mài đánh

Khoản 2 Điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Người sử dụng lao động phải tạo cơ hội để lao động chưa thành niên được học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề”.

Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Cấm sử dụng người chưa thành niên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc công việc ảnh hưởng xấu tới nhân cách và sự phát triển của người chưa thành niên”.

Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 11/12/2020 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định: “Người sử dụng lao động phải tuân thủ Điều 145 của Bộ luật Lao động² khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, với các quy định cụ thể sau:

1. Giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó.

2. Bố trí thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Lao động³. Người chưa đủ 15 tuổi vừa làm việc vừa học tập hoặc có nhu cầu học tập thì việc bố trí thời giờ làm việc phải bảo đảm không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi.

3. Bố trí các đợt nghỉ giải lao cho người chưa đủ 15 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Lao động⁴.

4. Tuân thủ quy định về khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động”.

bóng tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm, đánh bóng trang sức mỹ nghệ; làm rối búp bê; làm thiếp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiếp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.

6. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, dó, lá nón.

7. Gói nem, gói kẹo, gói bánh(trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).

8. Nuôi tằm.

9. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.

10. Chăn thả gia súc tại nông trại.

11. Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.

12. Cắt chỉ, đơm nút, thừa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.

² 1. Khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, người sử dụng lao động phải tuân theo quy định sau đây:

a) Phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;

b) Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi;

c) Phải có giấy khám sức khỏe của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền xác nhận sức khỏe của người chưa đủ 15 tuổi phù hợp với công việc và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong 06 tháng;

d) Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

2. Người sử dụng lao động chỉ được tuyển dụng và sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi vào làm các công việc nhẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 143 của Bộ luật này.

3. Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

³ Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

⁴ Ngoài thời gian nghỉ quy định tại khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động bố trí cho người lao động các đợt nghỉ giải lao và ghi vào nội quy lao động.

- Khoản 7 Điều 4 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “*Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.*”

- Khoản 7 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 nghiêm cấm hành vi: “*Lạm dụng, bóc lột trẻ em*”.

- Về Xử phạt vi phạm hành chính: Điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng như sau: “*Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được phép sử dụng*”.

Trong tình huống, cháu T mới 14 tuổi nhưng phải làm việc liên tục từ 5 giờ sáng đến 22 giờ đêm, không được nghỉ ngơi đầy đủ, không được đi học và bị đe dọa cắt tiền công, hạn chế liên lạc với gia đình. Những hành vi này thể hiện rõ việc sử dụng sức lao động của trẻ em nhằm mục đích trục lợi, không bảo đảm quyền học tập, vui chơi, nghỉ ngơi và phát triển của trẻ em theo quy định của pháp luật. Đồng thời, việc đe dọa cắt tiền công và không cho liên lạc với gia đình để buộc tiếp tục làm việc còn có dấu hiệu cưỡng ép lao động.

Ông M đã thực hiện hành vi bóc lột trẻ em và sử dụng lao động chưa thành niên trái quy định của pháp luật. Tùy tính chất, mức độ vi phạm, ông M có thể bị xử phạt hành chính từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng.

Tình huống 4: Năm 2025, P (30 tuổi) là chủ một cửa hàng quần áo tại địa phương. Cháu H (15 tuổi) mồ côi và có hoàn cảnh khó khăn nên được P nhận vào làm việc bán thời gian sau giờ học. Trong quá trình làm việc, P nhiều lần có hành vi gạ gẫm tình cảm nhưng bị H từ chối. Một lần H cần tiền đi sinh nhật cùng các bạn nhưng không đủ tiền, thấy P để quên ví nên H đã lấy trộm của P 200.000 đồng nghĩ rằng P để nhiều tiền mặt nên sẽ không để ý. Sau đó P phát hiện hành vi qua camera, biết H cần tiền để trang trải cuộc sống nên P lợi dụng mình là chủ đe dọa rằng nếu H không chấp nhận quan hệ tình dục sẽ đuổi H nghỉ việc, không trả tiền công và đăng hình ảnh H lên mạng về hành vi trộm cắp tiền tại cửa hàng của P để bôi rêu và không còn nơi nào muốn nhận H nữa. Lo sợ mất việc và hành vi lúc nông nổi của mình bị nhiều người biết nên H miễn cưỡng chấp nhận quan hệ tình dục với P.

Hỏi: Hãy xác định các hành vi vi phạm pháp luật của P; phân tích căn cứ pháp lý áp dụng và trách nhiệm pháp lý mà P phải chịu theo quy định của pháp luật hiện hành?

Trả lời:

Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.

Khoản 3 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: Nghiêm cấm hành vi Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em.

Khoản 1 Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi như sau: *Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi lệ thuộc mình hoặc đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.* Đây là căn cứ pháp lý trực tiếp để xác định hành vi của P.

Trong tình huống này P là chủ cửa hàng, là người trực tiếp thuê H làm việc. H là trẻ em mồ côi, hoàn cảnh khó khăn, phụ thuộc vào công việc và tiền công từ cửa hàng của P. Sau khi phát hiện H lấy 200.000 đồng, P không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết mà lợi dụng sự việc này để: Đe dọa cho nghỉ việc; Không trả tiền công; Đăng hình ảnh lên mạng xã hội nhằm bôi xấu H.

Những hành vi này đặt H vào tình trạng: Lệ thuộc vào P về việc làm và thu nhập; quần bách về tâm lý vì lo sợ bị mất việc và bị công khai hành vi vi phạm. Do đó, việc H đồng ý quan hệ tình dục không phải là sự tự nguyện thực sự mà là kết quả của việc bị khống chế về tâm lý và lợi dụng sự lệ thuộc.

Hành vi của P thuộc trường hợp: Cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo khoản 1 Điều 144 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
Khung hình phạt: Từ 05 năm đến 10 năm tù.

Tình huống 5: Anh K (22 tuổi) thường xuyên sử dụng mạng xã hội và có mâu thuẫn cá nhân với chị M cùng địa phương. Để trả thù chị M, anh K đã rủ rê một nhóm học sinh gồm các em từ 14 đến 15 tuổi trong khu dân cư tham gia quay video, đăng tải những thông tin sai sự thật và những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M lên mạng xã hội. Anh K hứa sẽ cho các em tiền tiêu vặt và tặng quà nếu thực hiện theo yêu cầu. Do còn nhỏ tuổi, thiếu hiểu biết pháp luật, các em đã làm theo sự chỉ dẫn của anh K. Sau khi video được đăng tải, nhiều người xem và chia sẻ khiến chị M bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự và cuộc sống cá nhân.

Khi sự việc được phát hiện, cơ quan chức năng xác định anh K là người chủ mưu, đã dụ dỗ, lôi kéo và sử dụng trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.

Hỏi: Trong tình huống trên, anh K đã có những hành vi nào vi phạm pháp luật? Vì sao việc dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đăng tải thông tin xúc phạm người khác trên

mạng xã hội bị pháp luật nghiêm cấm? Hành vi của anh K sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật như thế nào?

Trả lời:

Trong tình huống trên, anh K đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật, gồm: Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; Sử dụng trẻ em để đăng tải thông tin sai sự thật trên mạng xã hội; Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác; Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của trẻ em để thực hiện hành vi trái pháp luật. Cụ thể:

- Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định: *“Trẻ em là người dưới 16 tuổi.”* Trong tình huống, các em học sinh từ 14 đến 15 tuổi là trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Khoản 5 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định hành vi bị nghiêm cấm: *“Lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.”* Anh K đã hứa cho tiền, tặng quà để lôi kéo các em tham gia quay video, đăng tải nội dung xúc phạm chị M nên thuộc trường hợp bị pháp luật nghiêm cấm.

- Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.”* Mọi cá nhân có quyền yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

- Điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP) quy định: **Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng** đối với hành vi *“Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.”* Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

- Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về Tội làm nhục người khác như sau: Trường hợp hành vi xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người khác hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại thì người thực hiện hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự với khung hình phạt đến 02 năm tù.

Trong tình huống, anh K là người khởi xướng, chủ mưu và điều khiển toàn bộ hành vi vi phạm. Mặc dù trực tiếp đăng tải video là các em học sinh từ 14 đến 15 tuổi nhưng việc thực hiện xuất phát từ sự dụ dỗ, lôi kéo của anh K thông qua việc hứa cho tiền và tặng quà. Mục đích của anh K là trả thù cá nhân đối với chị M bằng

cách sử dụng trẻ em để đăng tải thông tin sai sự thật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị M trên mạng xã hội. Hành vi này không những xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của chị M mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự hình thành nhân cách, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của trẻ em. Căn cứ vào hành vi vi phạm anh K có thể bị xử phạt hành chính với mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; ngoài ra trường hợp xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người khác hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại thì anh K có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự với khung hình phạt đến 02 năm tù./.

Nơi nhận:

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PNV1 (ĐXĐững).